

Bản án số: 201/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Tường V, sinh năm 2001

Cư trú tại: Ấp Bờ Đập, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Ông Minh D, sinh năm 1998

Cư trú tại: Ấp Cái Keo, xã Q, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Ấp Cái Keo, xã Q, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 trong quá trình giải quyết và xét xử nguyên đơn chị Trần Tường V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị V và anh D chung sống năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh D nhiều lần xúc phạm mẹ chị và hiện chị và anh D ly thân hơn 01 tháng nay. Từ khi ly thân đến nay anh D không có liên hệ hay hỏi thăm chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới vợ chồng được tặng cho gồm: Chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 phân và 18k. Toàn bộ số nữ trang trên của vợ chồng chị gửi cho mẹ chồng là bà Lê Thị L quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu bà L giao lại số tài sản trên và yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia cho chị và anh D mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  số vàng trên.

Về con chung và nợ: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và xét xử bị đơn anh Ông Minh D trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn chị V trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày có phần đúng, có phần chưa đúng. Anh có xúc phạm mẹ vợ anh 1 lần nhưng anh hứa khắc phục sửa chữa và đã được mẹ vợ chấp nhận bỏ qua cho anh. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh có chủ động điện thoại liên hệ với chị V nhưng không được, sau đó anh hỏi những người ở gần nhà chị V thì được biết chị V đi làm không có nhà nên anh không lại nhà chị V để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định vẫn còn thương chị V, tuy nhiên chị V cương quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới anh chị được cho nữ trang gồm: Chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 phân vàng 18k. Số nữ trang trên vào ngày 15/5/2020 al chị V giao cho mẹ anh bà Lê Thị L quản lý. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh với chị V ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản theo quy định pháp luật.

Về con chung và nợ: Không có.

- Đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 14/5/2020 al chị V xin phép vợ chồng bà cho về nhà cha mẹ ruột chị V chơi, chiều cùng ngày chị V điện lại cho chồng bà là ông Ông Minh P nói rằng con thôi anh D rồi cha, ông P yêu cầu chị V mời cha mẹ chị V xuống nhà để 02 xui gia nói chuyện, nhưng V nói cha mẹ con không xuống. Cùng ngày ông Trần Văn C là cha ruột của chị V điện lại nói mai 02 xui gia mình gặp nhau. Đến sáng ngày 15/5/2020 al cha mẹ V xuống và 02 bên gia đình có hàn gắn cho chị V và anh D nhiều lần nhưng chị V cương quyết ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn với chị V. Sau đó gia đình hai bên tiếp tục hòa giải nhiều lần nhưng chị V vẫn cương quyết ly hôn với anh D.

Chiều cùng ngày bà có nói với chị V nếu con ra đi thì không được quay trở lại nhà này nữa, khi đó bà có yêu cầu chị V giao lại cho bà số vàng để quản lý và chị V giao lại cho bà 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 phân vàng 18k.

Nay chị V yêu cầu bà giao lại toàn bộ số vàng trên cho chị V để khi ly hôn chị V yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị V và anh D mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  số vàng trên bà không đồng ý. Bà đồng ý giao lại số vàng trên cho anh D quản lý.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân*. Chị V với anh D kết hôn vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh C, hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị V xác định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh D nhiều lần xúc phạm mẹ chị, dẫn đến chị và anh D ly thân hơn 01 tháng nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Tại phiên tòa anh D xác định anh vẫn còn thương yêu chị V nhưng chị V cương quyết yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị i về việc ly hôn với anh g.

[2] *Về chia tài sản*: Chị V và anh D thống nhất xác định vợ chồng có tài sản gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 phân vàng 18k, toàn bộ số nữ trang trên vào ngày 15/5/2020 al chị i giao cho bà Lê Thị L quản lý. Khi ly hôn chị V yêu cầu bà L giao lại số tài sản trên cho vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia cho chị và anh D mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  số vàng trên. Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định pháp luật. Bà L đồng ý giao lại số vàng trên cho anh D và không đồng ý yêu cầu chia đôi số vàng trên theo yêu cầu của chị V.

Xét thấy, tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân...*”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, số vàng gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 phân vàng 18k là tài sản chung của anh D và chị V. Và tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*tài sản chung của vợ chồng được chia đôi...*”. Tuy nhiên, số vàng trên vào ngày 15/5/2020 al chị V gửi cho bà Lê Thị L quản lý nên buộc bà L có trách nhiệm trả lại cho anh D và chị V toàn bộ số vàng trên.

Từ các căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị V. Chia cho chị V được hưởng 05 chỉ 05 phân vàng 24k và 05 phân vàng 18k; Chia cho anh D được hưởng 05 chỉ 05 phân vàng 24k và 05 phân vàng 18k.

[14] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị V và anh D phải chịu như sau:

Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; án phí được hưởng tài sản là 1.566.700 đồng (31.335.000 đồng x 5%).

Anh D phải chịu án phí được hưởng tài sản là 1.566.700 đồng (31.335.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Tường V.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Tường V ly hôn với anh Ông Minh D .

2. Về chia tài sản:

2.1. Buộc bà Lê Thị L trả lại cho anh D và chị V 01 chiếc lắc 05 (năm) chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 (năm) chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 01 (một) chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 05 (năm) phân vàng 18k và 01 nhẫn 05 (năm) phân vàng 18k.

2.2. Chị Trần Tường V được hưởng 05 (năm) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k và 05 (năm) phân vàng 18k bà Lê Thị L trả lại.

2.3. Anh Ông Minh D được hưởng 05 (năm) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k và 05 (năm) phân vàng 18k bà Lê Thị L trả lại

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010858 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị V phải chịu 1.566.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.466.000 đồng theo biên lai số 0010859 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị V phải nộp tiếp 100.700 đồng (một trăm ngàn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh D phải chịu án phí 1.566.700 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm đồng) anh D chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã T ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Ngô Giang Nam**